

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2022/DS-ST**.
Ngày: 20/5/2022.
V/v: “*Tranh chấp nợ hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.
2. Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2019/TLST - DS ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “*Tranh chấp nợ hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố Chòm Sao, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Bà **Khuru Phương Q**, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1986 (chồng bà Q).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà **Khuru Phương Q**, sinh năm 1983 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2019).

HKTT: Tổ 1, ấp Hòn Quéo, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

Chỗ ở hiện nay: số 17 Nghĩa Hòa, tổ 59, khu phố 6, phường 6, quận TB, thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:*

Năm 2017 - 2018 bà Khuru Phương Q có tham gia 04 dây hội tháng do bà làm chủ cụ thể:

Dây hội thứ nhất: Hội tháng 5.000.000đồng được áp ngày 25/10/2017 âm lịch, dây hội này có 19 chân, bà Q tham gia 02 chân, mỗi tháng áp hội một lần, ai bỏ số tiền ghi trên thăm cao thì được hốt; hội áp lần thứ nhất vào ngày 25/10/2017 âm lịch, bà Q bỏ thăm với số tiền 1.250.000đồng nên bà Q được hốt, sau khi đối trừ số tiền chân hội sống còn lại thì số tiền bà Q được nhận là 65.500.000đồng; ngày 25/12/2017 âm lịch bà Q bỏ thăm với số tiền 1.475.000đồng bà Q hốt chân thứ hai với số tiền 59.400.000đồng. Sau khi hốt bà Q tiếp tục đóng hội đến lần thứ 13 thì không đóng nữa. Như vậy, bà Q còn nợ dây hội này 6 lần đóng với số tiền 60.000.000đồng (2 chân x 6 lần x 5.000.000đồng = 60.000.000đồng).

Dây hội thứ hai: Hội tháng 2.000.000đồng được áp ngày 20/3/2018 âm lịch, dây hội này có 24 chân, mỗi tháng áp hội một lần, bà Q tham gia 01 chân; hội áp lần thứ hai vào ngày 20/4/2018 âm lịch, bà Q bỏ thăm với số tiền 520.000đồng thì bà Q được hốt số tiền là 33.760.000đồng. Sau khi hốt bà Q có đóng hội chết đến lần thứ 9 thì không đóng nữa. Như vậy, bà Q còn nợ dây hội này 15 lần đóng với số tiền 30.000.000đồng (1 chân x 15 lần x 2.000.000đồng = 30.000.000đồng).

Dây hội thứ ba: Hội tháng 2.000.000đồng được áp ngày 30/4/2018 âm lịch, dây hội này có 24 chân, mỗi tháng áp hội một lần, bà Q tham gia 01 chân; hội áp lần thứ sáu vào ngày 30/9/2018 âm lịch bà Q bỏ thăm với số tiền 705.000đồng, bà Q hốt với số tiền là 32.510.000đồng; ngày 25/12/2017 âm lịch bà Q hốt chân thứ hai với số tiền 57.925.000đồng. Sau khi hốt bà Q có đóng hội chết đến lần thứ 7 thì không đóng nữa. Như vậy, bà Q còn nợ dây hội này 17 lần đóng với số tiền 34.000.000đồng (1 chân x 17 lần x 2.000.000đồng = 34.000.000đồng).

Dây hội thứ tư: Hội tháng 5.000.000đồng được áp ngày 10/7/2018 âm lịch, dây hội này có 21 chân, mỗi tháng áp hội một lần, bà Q tham gia 02 chân; hội áp lần thứ nhất vào ngày 10/7/2018 âm lịch bà Q bỏ thăm với số tiền 1.505.000đồng thì bà Q hốt

sau khi đối trừ số tiền chân hội sống còn lại thì số tiền bà Q được nhận là 64.405.000đồng; ngày 10/11/2018 âm lịch bà Q bỏ thăm với số tiền 2.115.000đồng, bà Q được hốt chân thứ hai với số tiền 59.160.000đồng. Sau khi hốt bà Q có đóng hội chết đến lần thứ 5 thì không đóng nữa. Như vậy, bà Q còn nợ dây hội này 16 lần đóng với số tiền 160.000.000đồng (2 chân x 16 lần x 5.000.000đồng = 160.000.000đồng).

Tính đến ngày khởi kiện thì các dây hội trên đều mãn, các lần hốt hội bà L đã giao tiền cho bà Q đầy đủ nhưng không làm biên nhận và cũng không ai chứng kiến.

Ngoài ra, ông H là chồng bà Q còn nợ số tiền hội 10.760.000đồng. Như vậy, tổng các khoản bà Q và ông H còn nợ là 294.760.000đồng; bà L đồng ý trừ đi số tiền 20.705.000đồng của bà Q, ông H tham gia ở dây hội khác cũng do bà L làm chủ nên số tiền bà Q, ông H phải trả 274.055.000đồng.

Tại phiên tòa, bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Q về việc yêu cầu trả tiền nợ hội của các dây hội tháng 5.000.000đồng được áp ngày 25/10/2017 âm lịch; Hội tháng 2.000.000đồng được áp ngày 20/3/2018 âm lịch; Hội tháng 5.000.000đồng được áp ngày 10/7/2018 âm lịch và khoản nợ 10.760.000đồng. Bà yêu cầu bà Q phải trả cho bà số tiền nợ hội của dây hội tháng 2.000.000đồng được áp ngày 30/4/2018 âm lịch với số tiền 32.000.000đồng.

** Ý Kiến của bị đơn bà Khru Phương Q trình bày:*

Vào năm 2017 - 2018 âm lịch, bà có tham gia một số dây hội do bà Phạm Thị L làm chủ cụ thể:

1/ Dây hội tháng 5.000.000đồng được áp ngày 25/10/2017 âm lịch, dây hội này có 19 chân, mỗi tháng áp hội một lần, bà tham gia 02 chân; bà hốt 01 chân còn lại 01 chân; chân hội chết bà đã đóng được 13 lần tính đến khi mãn hội thì còn 6 lần đóng là 30.000.000đồng (phần này bà có trách nhiệm trả cho bà L); chân hội sống bà đã đóng được số tiền 42.175.000đồng (phần này bà L có trách nhiệm trả cho bà).

2/ Dây hội tháng 3.000.000đồng được áp ngày 20/3/2018 âm lịch, dây hội này bà không biết bao nhiêu chân, mỗi tháng áp hội một lần, bà tham gia 01 chân và đóng được 10 lần với số tiền 20.705.000đồng.

3/ Dây hội tháng 2.000.000đồng được áp ngày 30/4/2018 âm lịch, dây hội này có 24 chân, mỗi tháng áp hội một lần, bà tham gia 01 chân và hốt xong. Dây hội này bà

còn nợ 16 lần đóng với số tiền 32.000.000đồng (1 chân x 16 lần x 2.000.000đồng = 32.000.000đồng).

Như vậy, số tiền bà pH trả cho bà L của 02 dây hui trên là 62.000.000đồng; đồng thời bà L pH trả cho bà của dây hui trên là 62.880.000đồng. Sau khi cân trừ thì bà L pH trả cho bà số tiền 880.000đồng.

Đối với dây hui tháng 2.000.000đồng được áp ngày 20/3/2018 âm lịch và dây hui tháng 5.000.000đồng được áp ngày 10/7/2018 âm lịch thì bà hoàn toàn không biết và cũng không có tham gia. Riêng số tiền hui 10.760.000đồng là ông H ký xác nhận trả tiền hui cho bà L chứ không pH ông H ký nhận nợ tiền của bà L. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L buộc bà Khuu Phương Q pH trả cho cho bà L số tiền 32.000.000đồng của dây hui tháng 2.000.000đồng được áp ngày 30/4/2018 âm lịch; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với các dây hui tháng 5.000.000đồng được áp ngày 25/10/2017 âm lịch; tháng 2.000.000đồng được áp ngày 20/3/2018 âm lịch; hui tháng 5.000.000đồng được áp ngày 10/7/2018 âm lịch và số tiền nợ hui 10.760.000đồng.

Đối với yêu cầu cân trừ tiền hui của bà Q; Tòa án đã thông báo bằng văn bản cho bà Q được biết về việc nộp đơn yêu cầu phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí nếu có yêu cầu cân trừ nhưng bà Q không nộp đơn yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Q pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Phạm Thị L yêu cầu bà Khuru Phương Q pH trả cho bà số tiền hụi còn nợ nên được xác định đây là tranh chấp nợ hụi; bị đơn có nơi cư trú tại xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Khuru Phương Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều khoản 1 Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Từ năm 2017 - 2018 âm lịch, bà Khuru Phương Q có tham gia chơi các dây hụi tháng do bà Phạm Thị L làm chủ. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch tổ chức hụi và tham gia chơi hụi giữa bà Phạm Thị L với bà Khuru Phương Q là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, điều này phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biên, phường.

Tại phiên tòa, bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các dây hụi tháng 5.000.000đồng được áp ngày 25/10/2017 âm lịch; hụi tháng 2.000.000đồng được áp ngày 20/3/2018 âm lịch; hụi tháng 5.000.000đồng được áp ngày 10/7/2018 âm lịch và khoản nợ hụi cũ 10.760.000đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà Q pH trả khoản nợ của các dây hụi tháng 5.000.000đồng được áp ngày 25/10/2017 âm lịch; hụi tháng 2.000.000đồng được áp ngày 20/3/2018 âm lịch; hụi tháng 5.000.000đồng được áp ngày 10/7/2018 âm lịch và khoản nợ hụi 10.760.000đồng.

[3.2] Đối với dây hụi tháng 2.000.000đồng được áp ngày 30/4/2018 âm lịch; theo bà L trình bày thì dây hụi này có 24 chân, mỗi tháng áp hụi một lần, bà Q tham gia 02 chân và đã hót hết. Sau khi hót bà Q có đóng hụi chết đến lần thứ 7 thì không đóng nữa. Như vậy, bà Q còn nợ dây hụi này 17 lần đóng với số tiền 34.000.000đồng (2

chân x 17 lần x 2.000.000đồng = 34.000.000đồng) nên bà yêu cầu bà Q pH trả số tiền này cho bà. Tại bản tự khai của bà Q và biên bản đối chất ngày 20/5/2020 giữa bà Q với bà L thì bà Q thừa nhận có tham gia dây hui này, 02 chân hui bà tham gia thì đã hốt xong, tính đến khi mãn hui thì bà còn nợ 16 lần đóng với số tiền 32.000.000đồng nên bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 32.000.000đồng.

Tại phiên tòa, bà L cũng đồng ý cho bà Q trả số tiền 32.000.000đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết ghi nhận sự tự nguyện của đương sự, do đó bà Q có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 32.000.000đồng.

[3.3] Đối với yêu cầu cản trừ tiền hui của bà Q; Tòa án đã thông báo bằng văn bản cho bà Q được biết về việc nộp đơn yêu cầu phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí nếu có yêu cầu cản trừ nhưng bà Q không nộp đơn yêu cầu phản tố theo quy định; Đồng thời bà L cũng không đồng ý trừ số tiền 20.705.000đồng (ở dây hui khác) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Đối với ông Lê Văn H (chồng bà Q); Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2019 bà L khởi kiện cả bà Q và ông H để yêu cầu trả nợ nhưng tại phiên tòa hôm nay bà L chỉ yêu cầu bà Q trả nợ cho bà vì bà cho rằng bà Q là người trực tiếp tham gia chơi hui với bà nên bà chỉ yêu cầu bà Q trả nợ chứ không yêu cầu ông H pH có trách nhiệm cùng trả nợ cho bà. Do đó, ông H không pH chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, buộc bà Khuru Phương Q pH trả cho bà L số tiền hui còn nợ là 32.000.000đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà Khuru Phương Q pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền pH trả cho bà L ($32.000.000\text{đồng} \times 5\% = 1.600.000\text{đồng}$);

Bà L không pH chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 17, 29 và Điều 31 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 1 Điều 27 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ tịch, biên, phường;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

Buộc bà Khuu Phương Q pH trả cho bà Phạm Thị L số tiền hộ còn nợ là 32.000.000đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà L có đơn yêu cầu thi hành án phía bà Q còn pH chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà Q pH trả nợ cho bà của các dây hộ tháng 5.000.000đồng được áp ngày 25/10/2017 âm lịch; hộ tháng 2.000.000đồng được áp ngày 20/3/2018 âm lịch; hộ tháng 5.000.000đồng được áp ngày 10/7/2018 âm lịch và khoản nợ hộ 10.760.000đồng.

2/ Về án phí DSST: Buộc bà Khuu Phương Q pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.600.000đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.850.000đồng theo biên lai thu số 0005461 ngày 29/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp